

Số: 714/QĐ-STTTT

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND-HC ngày 08/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh;

Căn cứ Công văn số 478/STC-HCSN ngày 30/12/2020 của Sở Tài chính về việc thông báo thẩm tra phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021 cho Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (kèm theo 03 phụ lục).

Điều 2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở căn cứ dự toán chi ngân sách được phân bổ để tổ chức thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn và Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- CC, VC Sở (biết);
- Lưu: VT, VP, D.

GIÁM ĐỐC

Đoàn Thanh Bình

Phụ lục 01
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông

(Kèm theo Quyết định số: 714/QĐ-STTTT ngày 31/12/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Mã Đơn vị SDNSNN: 1028575

Mã KBNN nơi giao dịch: 0661

Chương: 427

Đơn vị tính: đồng

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Chi tiết cho các đơn vị	
				VP Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông
1	2	3	4		
		B. PHẦN CHI			
		<u>I- Tổng số thu, chi, nộp phí, lệ phí</u>	<u>2.550.000.000</u>	<u>50.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>
		1. Thu dịch vụ, phí, lệ phí	2.550.000.000	50.000.000	2.500.000.000
		2. Chi từ nguồn thu dịch vụ, phí, lệ phí được để lại	2.545.000.000	45.000.000	2.500.000.000
		3. Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	5.000.000	5.000.000	
		<u>II- Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp</u>	<u>15.479.000.000</u>	<u>11.794.000.000</u>	<u>3.685.000.000</u>
		Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	5.500.000.000	3.865.000.000	1.635.000.000
		Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.979.000.000	7.929.000.000	2.050.000.000
340	341	1. Kinh phí chi Quản lý Nhà nước	9.074.000.000	9.074.000.000	

		1.1- Kinh phí thực hiện tự chủ theo NĐ 130	3.865.000.000	3.865.000.000	
		1.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.209.000.000	5.209.000.000	
070	085	2. Sự nghiệp đào tạo	220.000.000	220.000.000	
		2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ			
		2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	220.000.000	220.000.000	
280	314	3. Sự nghiệp kinh tế	6.185.000.000	2.500.000.000	3.685.000.000
		3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	1.635.000.000		1.635.000.000
		3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.550.000.000	2.500.000.000	2.050.000.000

Phụ lục 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông
(Kèm theo Quyết định số: 714/QĐ-STTTT ngày 31/12/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Mã Đơn vị SDNSNN: 1028575
Mã KBNN nơi giao dịch: 0661
Chương: 427

Biên chế: 26 + 5, thực tế: 25 + 5

Đơn vị tính: đồng

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
1	2	3	4
		B. PHẦN CHI	
		<u>I- Tổng số thu, chi, nộp phí, lệ phí</u>	<u>50.000.000</u>
		1. Thu dịch vụ, phí, lệ phí	50.000.000
		2. Chi từ nguồn thu dịch vụ, phí, lệ phí được để lại	45.000.000
		3. Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	5.000.000
		<u>II- Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp</u>	<u>11.794.000.000</u>
340	341	1. Kinh phí chi Quản lý Nhà nước	9.070.000.000
		1.1- Kinh phí thực hiện tự chủ theo ND 130	3.865.000.000
		1.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.929.000.000
070	085	2. Sự nghiệp đào tạo	220.000.000
		2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
		2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	220.000.000
280	314	3. Sự nghiệp kinh tế	2.500.000.000
		3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
		3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.500.000.000

Ghi chú:

1. Sự nghiệp kinh tế (280- 314) : 2.500.000.000 đồng

- Thuê dịch vụ đánh giá an toàn thông tin cho hệ thống mạng các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; Nâng cấp khung kiến trúc đô thị thông minh: 2.500.000.000 đồng

2. Quản lý nhà nước – kinh phí không thực hiện tự chủ (340-341): 5.029.000.000 đồng.

- Duy trì ISO: 15.000.000 đồng;

- Hoạt động Đảng: 15.000.000 đồng;

- Chi phí Đoàn kiểm tra liên ngành; khảo sát, kiểm tra, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông, cáp điện lực: 40.000.000 đồng;
- Thù lao đọc lưu chiểu: 20.000.000 đồng;
- Dự Hội nghị, tập huấn cấp trên, giao tiếp...: 200.000.000 đồng;
- Ban chỉ đạo Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh, Ban chỉ đạo đối ngoại: 300.000.000 đồng;
- Sửa chữa ô tô và tài sản (hệ thống chữa cháy, điện, nước): 80.000.000 đồng;
- Trang bị camera họp trực tuyến: 35.000.000 đồng;
- Hợp mặt cơ quan báo chí định kỳ: 340.000.000 đồng;
- Trang phục thanh tra: 15.000.000 đồng;
- Tham dự Hội thi tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tình hình thế giới, hoạt động thông tin đối ngoại...: 30.000.000 đồng;
- Vận hành hoạt động màn hình, bảng điện tử: 330.000.000 đồng;
- Thuê dịch vụ viễn thông thực hiện SMS Brandname phục vụ nhắn tin tình trạng giải quyết hồ sơ cho HT một cửa và DV công toàn tỉnh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh ...: 370.000.000 đồng;
- Cước tổng đài 1022: 50.000.000 đồng;
- Trang bị phần mềm phòng chống mã độc: 2.569.000.000 đồng;
- Mua xe bán tải chuyển dùng: 800.000.000 đồng;

3. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề (070-085): 220.000.000 đồng

- Tập huấn các lớp đào tạo về lĩnh vực thông tin, báo chí xuất bản: (QLNN về thông tin đối ngoại, biển đảo; kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; xử lý khủng hoảng truyền thông. Nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động thông tin cơ sở. Phổ biến văn bản pháp luật về hoạt động xuất bản, in, phát hành): 220.000.000 đồng.

Phụ lục 03
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
(Kèm theo Quyết định số: 714 /QĐ-STTTT ngày 31/12/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Mã Đơn vị SDNSNN: 1039415
Mã KBNN nơi giao dịch: 0661
Chương: 427

Biên chế giao: 22, thực tế: 15

Đơn vị tính: đồng

Loại	Kho ản	Nội dung	Tổng số
1	2	3	4
		I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.500.000.000
		1. Số thu dịch vụ, phí, lệ phí	2.500.000.000
		2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được giữ lại	2.500.000.000
		3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
		II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.685.000.000
		Trong đó :- Kinh phí thực hiện tự chủ	1.635.000.000
		- Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.050.000.000
280	314	1. Sự nghiệp kinh tế	2.954.000.000
		1.1. Kinh phí thực hiện tự chủ	1.635.000.000
		1.2. Kinh phí thực hiện không tự chủ	2.050.000.000

Chi chú:

- **Kinh phí không thực hiện tự chủ: 2.050.000.000 đồng**
- + **Hoạt động Trung tâm tích hợp dữ liệu: 1.855.000.000 đồng;**
- Nhiên liệu máy phát điện: 20.000.000 đồng
- Bảo trì, vận hành máy phát điện: 30.000.000 đồng
- Chi phí điện cấp nguồn: 425.000.000 đồng
- Chi phí trực bảo đảm hoạt động Trung tâm THDL: 135.000.000 đồng
- Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông, thuê bao tổng đài hệ thống một cửa, dịch vụ công trực tuyến; Thuê đường truyền cho HT HN truyền hình và thuê bao mạng WAN tại TTTHDL: 580.000.000 đồng
- Tái cấu trúc TTTH DL: 195.000.000 đồng

- License SAN HPE 3PAR - Bản quyền HT lưu trữ	240.000.000 đồng
- Đường leased line (công thanh toán trực tuyến)	80.000.000 đồng
- Mua 01 máy lạnh chuyên dụng	50.000.000 đồng
- Bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	100.000.000 đồng
+ Hoạt động chuyên môn	195.000.000 đồng
- Duy trì hệ thống chống sét	35.000.000 đồng
- Chi phí phục vụ HNTT	65.000.000 đồng
- Phần mềm diệt virus cho hệ thống	45.000.000 đồng
- Hỗ trợ xử lý sự cố máy tính và ứng dụng phần mềm dùng chung (PM iDesk, một cửa điện tử, ...)	50.000.000 đồng